

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2022/DSST
Ngày 14/02/2022

*Vụ: V/v kiện đòi tài sản giữa chị Th với ông
Ch, bà Th*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Minh Nam.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nghiêm Đình Ché.

2. Ông Nguyễn Thế Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa:

Bà Lưu Thị Vân Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 14/02/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2021/TLST-DS, ngày 09/3/2021 về việc “Kiện đòi tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2021/QĐXXST-DS, ngày 15/12/2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1978.

Trú tại: Khu phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thận.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Chị Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1985 (có mặt).

Trú tại: 15/87/1 Phạm Ngọc Th, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Chị Mai Thị Vân A, sinh năm 1985 (có mặt).

Trú tại: 324, Lê Trọng T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Bá Ch, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong năm 2019, chị Trần Thị Th có bán 4 chuyến thóc với tổng khối lượng là 149.060 kg thóc thành tiền là 1.050.850.000đ cho ông Lê Bá Ch, bà Nguyễn Thị Th.

Việc bán hàng thể hiện bằng Hợp đồng miệng, không có hóa đơn chứng từ về việc giao hàng. Chị Th có cho xe giao thóc tại kho thóc của ông Ch, bà Th tại thôn Đ, xã T, huyện YP, Bắc Ninh. Sau khi giao hàng xong, vợ chồng ông Ch đã trả cho chị Th số tiền 139.080.000đ tiền mặt (việc trả tiền không có giấy biên nhận), ông Ch có chuyển khoản đến tài khoản của anh Phan Tấn D, sinh năm 1972 là chồng chị Th tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận làm 3 lần, tổng số tiền chuyển khoản là 480.000.000đ. Như vậy vợ chồng ông Ch, bà Th đã trả cho chị Th tổng số tiền 619.080.000đ, vợ chồng ông Ch, bà Th còn nợ chị Th số tiền hàng còn thiếu là 431.770.000đ.

Ngày 8/3/2020 (dương lịch) tức ngày 15/2/2020 (âm lịch), chị Th có đến nhà ông Ch, bà Th để đòi tiền hàng còn thiếu nhưng ông Ch, bà Th không có tiền trả nên ông Ch có viết giấy với nội dung: Ông Ch còn nợ chị Th số tiền 431.770.000đ, hẹn đầu tháng 3 dương lịch sẽ thanh toán tiền. Ông Ch, bà Th có ký nhận vào văn bản trên.

Sau ngày viết giấy hẹn trên, chị Th đã nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin đòi tiền ông Ch, bà Th nhưng ông Ch, bà Th không trả tiền và khất lần.

Nay chị Th yêu cầu vợ chồng ông Ch, bà Th phải trả cho số tiền gốc 431.770.000đ, tiền lãi tạm tính kể từ ngày 16/3/2020 đến ngày hôm nay 22/4/2021 với mức lãi suất 10%/năm, số tiền lãi tạm tính là 46.864.000đ.

Bị đơn là ông Lê Bá Ch trình bày: Trong khoảng từ năm 2019 đến năm 2020, vợ chồng tôi có mua nhiều chuyến thóc của chị Trần Thị Th. Việc mua bán được thực hiện bằng phương thức chị Th cho xe ô tô chở thóc ra kho thóc của vợ chồng tôi tại thôn Đ, xã T, huyện YP, Bắc Ninh. Do thời gian đã lâu nên tôi không nhớ là số tiền bán thóc là bao nhiêu. Tôi chỉ nhớ số tiền vợ chồng tôi còn nợ chị Th là 431.770.000đ.

Ngày 15/02/2020 (âm lịch), tôi có viết giấy hẹn trả nợ với chị Th với nội dung vợ chồng tôi còn nợ chị Th số tiền 431.770.000đ, hẹn đầu tháng 3 năm 2020 dương lịch sẽ thanh toán tiền cho chị Th. Vợ chồng tôi có ký nhận vào văn bản trên.

Do việc kinh doanh của vợ chồng tôi gặp nhiều khó khăn, nhiều khách hàng còn nợ tiền vợ chồng tôi nên vợ chồng tôi chưa có tiền trả cho chị Th. Tôi hẹn cuối tháng 5/2021 (âm lịch) vợ chồng tôi sẽ thanh toán đầy đủ số tiền 431.770.000đ cho chị Th.

Nay chị Th yêu cầu vợ chồng tôi phải trả cho số tiền gốc 431.770.000đ, tiền lãi tạm tính kể từ ngày 16/3/2020 đến ngày hôm nay 22/4/2021 với mức lãi suất 10%/năm, số tiền lãi tạm tính là 46.864.000đ. Vợ chồng đồng ý trả tiền gốc, còn tiền lãi tôi đề nghị chị Th miễn cho vợ chồng tôi vì việc kinh doanh của vợ chồng tôi gặp nhiều khó khăn.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Lê Bá Ch, bà Nguyễn Thị Th phải trả số tiền gốc là 431.770.000đ đồng, và lãi suất tính từ ngày 16/3/2020 đến nay theo mức lãi suất 10%/năm.

Bị đơn là ông Ch, bà Th đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là ông Ch, bà Th theo quy định của pháp luật.

Giữa các bên đương sự đều xác nhận số tiền gốc còn nợ là 431.770.000đ. Đây là những nội dung không cần phải chứng minh trong vụ án, giữa các bên đương sự chỉ chưa thống nhất được với nhau về thời gian thanh toán và lãi suất đối với số tiền gốc còn nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật. Bị đơn là ông Ch, bà Th chấp hành không đúng pháp luật.

Về nội dung, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điều 166, 275, 280 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th.

- Buộc ông Lê Bá Ch, bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Th số tiền gốc là 431.770.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Th buộc ông Ch, bà Th phải trả lãi của số nợ gốc là 431.770.000 đồng, tạm tính từ ngày 16/3/2020 đến ngày 14/02/2022 với mức lãi suất là 10%/năm là 82.805.205 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu ông Lê Bá Ch, bà Nguyễn Thị Th phải trả số tiền hàng còn nợ là 431.770.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Đây là vụ án Kiện đòi tài sản, bị đơn là ông Lê Bá Ch, bà Nguyễn Thị Th cư trú tại thôn Đông, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, điều 26; điều 35; điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Phát sinh từ việc mua bán thóc trong năm 2019, chị Trần Thị Th có bán 4 chuyến thóc với tổng khối lượng là 149.060 kg thóc trị giá tổng số tiền là 1.050.850.000đ cho ông Lê Bá Ch, bà Nguyễn Thị Th. Việc bán hàng thể hiện bằng Hợp đồng miệng, không có hóa đơn chứng từ về việc giao hàng. Chị Th có cho xe giao thóc tại kho thóc của ông Ch, bà Th tại thôn Đông, Tam Giang, Yên Phong, Bắc Ninh. Sau khi giao hàng xong, vợ chồng ông Ch đã trả cho chị Th số tiền 139.080.000đ tiền mặt (việc trả tiền không có giấy biên nhận), ông Ch có chuyển khoản đến tài khoản của anh Phan Tấn Dũng, sinh năm 1972 là chồng chị Th tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận làm 3 lần, tổng số tiền chuyển khoản là 480.000.000đ. Như vậy vợ chồng ông Ch, bà Th đã trả cho chị Th tổng số tiền 619.080.000đ, vợ chồng ông Ch, bà Th còn nợ chị Th số tiền hàng còn thiếu là 431.770.000đ.

Ngày 8/3/2020 (dương lịch) tức ngày 15/2/2020 (âm lịch), chị Th có đến nhà ông Ch, bà Th để đòi tiền hàng còn thiếu nhưng ông Ch, bà Th không có tiền trả nên ông Ch có viết giấy với nội dung: Ông Ch còn nợ chị Th số tiền 431.770.000đ, hẹn đầu tháng 3 dương lịch sẽ thanh toán tiền. Ông Ch, bà Th có ký nhận vào văn bản trên.

Xét thấy “Giấy nhận nợ” đề ngày 08/3/2020 có chữ ký của ông Ch, bà Th là hợp pháp. Khi viết giấy nhận nợ ông Ch, bà Th đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Theo nội dung giấy nhận nợ thể hiện ông Ch, bà Th nhận nợ với chị Th số tiền là 431.770.000 đồng. Như vậy tại thời điểm ông Ch, bà Th xác nhận bằng việc viết giấy nhận nợ với chị Th với số tiền 431.770.000 đồng thì phát sinh nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn và chị Th yêu cầu. Xét thấy đây là tranh chấp kiện đòi tài sản phát sinh từ giao dịch dân sự giữa chị Th và ông Ch, bà Th. Việc ông Ch, bà Th không thanh toán trả nợ cho chị Th khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên có nghĩa vụ.

[3] Xét yêu cầu của chị Th yêu cầu ông Ch, bà Th phải trả số tiền gốc là 431.770.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 08/3/2020 HĐXX nhận thấy: Yêu cầu này của chị Th là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 166 BLDS năm 2015 quy định về quyền đòi lại tài sản nên cần được chấp nhận để buộc ông Ch, bà Th phải trả chị Th số tiền gốc là 431.770.000 đồng.

Về lãi suất: Chị Th yêu cầu ông Ch, bà Th phải chịu lãi suất trên số tiền gốc còn nợ tính từ ngày 16/3/2020 đến ngày xét xử 14/02/2022 theo mức lãi suất 10%/năm. HĐXX nhận thấy việc ông Ch, bà Th không thanh trả tiền cho chị Th khi đến hạn là hành vi chậm thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 BLDS năm 2015 và được tính như sau: 431.770.000 đồng x 10%/năm (tính từ ngày 16/3/2020 (ngày bắt đầu chậm thực hiện nghĩa vụ) đến ngày xét xử sơ thẩm 14/02/2022 là 700 ngày) = 82.805.205 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi ông Lê Bá Ch, bà Nguyễn Thị Th phải trả cho chị Trần Thị Th là 514.575.205đ.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do vậy bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 91, 147, 235 , 239, 254, 262, 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 166, 275, 280, 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th.

2. Buộc ông Lê Bá Ch, bà Nguyễn Thị Th phải trả cho chị Trần Thị Th số tiền gốc là 431.770.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 16/3/2020 đến ngày 14/02/2022 là 82.805.205 đồng, tổng cộng là 514.575.205 đồng (năm trăm mười bốn triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm linh năm đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Lê Bá Ch, bà Nguyễn Thị Th phải chịu 24.583.000 đồng (hai mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (đã làm tròn số).

Hoàn trả chị Trần Thị Th 11.260.000 đồng (mười một triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2020/0001155, ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Toà án tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Yên Phong.
- Người tham gia tố tụng khác.
- THA huyện Yên Phong.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Chu Minh Nam

